TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 02 - 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hồng

2. Bà Phạm Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Nhựt Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Long - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 599/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1017/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1995

Đăng ký thường trú: Số A, ấp V, huyện T, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Số E, tổ A khu phố H, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thế T1, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Do tự tìm hiểu nên chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 15/02/2016. Sau khi kết hôn, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 chung sống tại đường C, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống được 03 năm, do bùng phát dịch C - 19 nên vợ chồng không sống chung trong thời gian 03 tháng (từ tháng 7/2020 đến tháng 10/2020). Khi đó chị Trần Thị T sống và làm việc theo chính sách "làm 03 tại chỗ" ở nơi làm việc, còn anh Nguyễn Thế T1 sống tại nhà trọ của vợ chồng. Trong thời gian 03 tháng không sống chung, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh Nguyễn Thế T1 không gọi điện liên lạc được với chị Trần Thị T nên anh Nguyễn Thế T1 nghĩ chị Trần Thị T không đi làm việc mà đi ăn chơi không chịu về nhà nhưng thực tế do thực hiện chính sách "làm 03 tại chỗ" nên chị Trần Thị T bị hạn chế sử dụng điện thoại nên không thể liên lạc được. Sau khi hết chính sách "làm 03 tại chỗ", chị Trần T về nhà trọ thì vợ chồng bắt đầu xảy ra cự cãi, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Nguyễn Thế T1 thường xuyên uống rượu, khi say xỉn thì ghen tuông vô cớ; đồng thời, khi say xỉn, anh Nguyễn Thế T1 thường bị mất kiểm soát hành vi, tự gây thương tích cho bản thân và yêu cầu chị T dùng dao đâm vào người của anh Nguyễn Thế T1 làm cho chị Trần Thị T sống trong lo sợ, thời gian dài khiến cho chị Trần Thị T bị khủng bố tinh thần; ngoài ra, anh Nguyễn Thế T1 thường xuyên lấy tiền của vợ chồng cho người khác vay nhưng không thông qua ý kiến của chị Trần Thị T dẫn đến hao hụt về kinh tế. Mặc dù vợ chồng vẫn còn sống chung nhưng không còn giao tiếp, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Ngoài ra không còn nguyên nhân nào khác. Đến tháng 3/2021 mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng do anh Nguyễn Thế T1 cứ ghen tuông vô cớ làm vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1; anh Nguyễn Thế T1 cũng có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do anh Nguyễn Thế T1 không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn được. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thế T1.

Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 có 01 (một) con chung tên Trần Khánh A, sinh ngày 24/9/2023. Hiện nay, con chung đang sống với chị Trần Thị T. Khi ly hôn, chị Trần Thị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không yêu cầu anh Nguyễn Thế T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Nghề nghiệp hiện tại của chị Trần Thị T là công nhân sản xuất linh kiện điện tử với mức thu nhập 9.500.000 đồng/tháng nên đủ để nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung.

Anh Nguyễn Thế T1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Chị Trần Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Thế T1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Về quan hệ hôn nhân, chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thế T1. Về con chung, chị Trần Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Khánh A, sinh ngày 24/9/2023; anh Nguyễn Thế T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn, Giấy khai sinh của con chung tên Trần Khánh A, anh Nguyễn Thế T1 có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Đồng thời, tại Biên bản xác minh ngày 22/01/2025, xác định anh Nguyễn Thế T1 có cư trú và đăng ký thường trú ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nhưng hiện nay thường vắng mặt tại địa phương do đi làm ăn xa; địa phương không xác định được thời gian trở về và nơi làm việc của anh Nguyễn Thế T1 do anh Nguyễn Thế T1 không có trình báo chính quyền địa phương. Căn cứ Điều 11 Luật Cư trú, Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú của anh Nguyễn Thế T1 tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với anh Nguyễn Thế T1, yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Đồng thời, anh Nguyễn Thế T1 (bị đơn) có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Đối với anh Nguyễn Thế T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tham gia tố tụng trong vụ án nhưng vắng mặt không có lý do trong quá trình tố tụng tại Tòa án. Tại phiên tòa, chị Trần Thị T đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Thế T1 đã được triệu tập hợp lệ lần

thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thế T1 của chị Trần Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị T cho rằng, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống đến khoảng tháng 7/2020 do anh Nguyễn Thế T1 ghen tuông vô cớ; thường xuyên uống rượu, khi say xỉn, anh Nguyễn Thế T1 thường bị mất kiểm soát hành vi, tự gây thương tích cho bản thân và yêu cầu chị T gây thương tích cho anh Nguyễn Thế T1 làm cho chị Trần Thị T sống trong lo sợ trong thời gian dài; ngoài ra, anh Nguyễn Thế T1 thường xuyên lấy tiền của vợ chồng cho người khác vay nhưng không thông qua ý kiến của chị Trần Thị T dẫn đến hao hụt về kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng từ tháng 3/2021 nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên có động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1; anh Nguyễn Thế T1 cũng có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng do anh Nguyễn Thế T1 không thay đổi tính tình nên vợ chồng không hàn gắn được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thế T1.

Anh Nguyễn Thế T1 đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

Xét thấy, chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Anh Nguyễn Thế T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 theo quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Thế T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không hòa giải được, thể hiện anh Nguyễn Thế T1 không còn thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 nên lời trình bày của chị Trần Thị T về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, có căn cứ để xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Trần Thị T yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Thế T1 phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên

được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của chị Trần Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Trần Thị T xác định chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 có 01 (một) con chung tên Trần Khánh A, sinh ngày 24/9/2023, hiện nay đang sống với chị Trần Thị T. Khi ly hôn, chị Trần Thị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Thế T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Thế T1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Xét thấy, việc giao con chung là người chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng khi chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Căn cứ lời trình bày của chị Trần Thị T, con chung hiện nay đang sống với chị Trần Thị T, quá trình sinh sống với chị Trần Thị T con chung vẫn phát triển tốt, đồng thời, con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi; anh Nguyễn Thế T1 vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Để giúp cháu Trần Khánh A phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Trần Thị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 ly hôn phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung khi chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thế T1 ly hôn nên anh Nguyễn Thế T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị Trần Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Thế T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thế T1.

[2] Về con chung:

Chị Trần Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Khánh A, sinh ngày 24/9/2023. Hiện nay đang sống với chị Trần Thị T.

Anh Nguyễn Thế T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Thế T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trên cơ sở lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0023285 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- UBND xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Lê Phước Sang